

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ H  
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/DS-ST

Ngày: 22-8-2023

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH TÂY NINH**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Võ Thị Trâm;

2/ Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H.

**- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T tham gia phiên tòa:***  
ông Phan Thanh Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2023/TLST-DS ngày 13-02-2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1956; địa chỉ: Số nhà 13, Tổ 16, ấp T, xã TĐ, thị xã H, tỉnh T (vắng mặt).

*- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp T, xã TĐ, thị xã H, tỉnh T (Theo văn bản uỷ quyền ngày 03-7-2023, chị T có mặt).

*2. Bị đơn:* anh Trần Phước Đ, sinh năm 1983; anh Trần Văn T, sinh năm 1977; cùng địa chỉ: Số nhà 161, Tổ 14, đường số 9, ấp Trường Xuân, xã Trường Hoà, thị xã H, tỉnh T (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Anh Trần Văn T và Trần Phước Đ có quan hệ họ hàng với bên vợ của ông Nguyễn Văn C nên ông C cho anh T và anh Đ vay số tiền 560.000.000 đồng 3 lần cụ thể như sau:

Lần thứ nhất, ngày 05-10-2022 ông C cho anh Đ và anh T vay số tiền 500.000.000 đồng không làm giấy tờ, lần này anh Đ, anh T vay của ông để trả cho chị Uyên số tiền 450.000.000 đồng mà anh Đ, anh T đã vay của chị Uyên trước đó để đáo hạn ngân hàng. Do ông C nghĩ mục đích cuối cùng của anh T, anh Đ cũng là để trả cho ngân hàng nên quá trình làm việc trước đây ông C trình bày là vay tiền để trả cho ngân hàng.

Lần thứ hai: trong tháng 11-2022 (không nhớ ngày) ông C cho anh Đ, anh T vay tiếp số tiền 30.000.000 đồng, không làm giấy tờ.

Lần thứ ba: trong tháng 12-2022 (không nhớ ngày) ông C cho anh Đ và anh T vay tiếp số tiền 30.000.000 đồng, không làm giấy tờ.

Sau đó ngày 05-01-2023 ông C mới yêu cầu anh Đ, anh T viết giấy nợ với số tiền 585.000.000 đồng, trong đó có 25.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 05-10-2023, ông tính lãi suất 1,5%/tháng của số tiền gốc 560.000.000 đồng, tính lãi 3 tháng từ tháng 10-2022 đến tháng 01-2023. Ngày 05-01-2023 là ngày viết lại giấy nợ cho 03 lần vay nợ nêu trên, không phải ngày này mới giao nhận tiền.

Tại phiên toà người đại diện hợp pháp của ông C rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 25.000.000 đồng, chỉ yêu cầu anh T và anh Đ trả số tiền nợ gốc là 560.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 05-01-2023.

Hiện tại ông C đang giữ của anh Đ, anh T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC691413 do anh Trần Phước Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 01-7-2021. Khi nào anh T, anh Đ trả hết nợ cho ông C thì ông C mới đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T, anh Đ.

*Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh T trình bày:*

Vào tháng 10-2022, anh và em trai của anh là anh Đ có một khoản nợ của ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á Bank số tiền 454.500.000 đồng đáo hạn. Nên hai anh em anh vay của chị Uyên (con gái của ông C) số tiền 450.000.000 đồng để trả nợ cho ngân hàng. Khi vay chị Uyên có yêu cầu anh và anh Đ viết giấy nợ giao cho chị Uyên giữ. Lãi suất hai bên thoả thuận miệng là 10%/tháng, nhưng ghi trong giấy nợ chỉ 1,5%/tháng. Sau khi trả nợ ngân hàng xong thì chị Uyên và ông C giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đó anh và anh Đ không vay lại được ngân hàng để trả nợ

cho chị Uyên. Ngày 05-01-2023 ông C có đến yêu cầu anh em của anh viết lại giấy nợ với số tiền 585.000.000 đồng trong đó số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng và tiền lãi 135.000.000 đồng tính lãi suất 10%/tháng trong 03 tháng. Do nghĩ ông C và chị Uyên là cha con cùng làm ăn chung, thực tế anh em anh cũng đang thiếu nợ chị Uyên chưa trả được và cũng là anh em họ hàng nên khi ông C yêu cầu như vậy thì anh em anh cũng đồng ý viết lại giấy nợ cho ông C nhưng chị Uyên không trả lại giấy nợ 450.000.000 đồng trước đây mà anh viết cho chị Uyên.

Để chứng minh cho khoản nợ này, anh em anh có cung cấp bản ghi âm lại cuộc nói chuyện giữa anh với chị Uyên và ông C. Trong bản ghi âm này chị Uyên chỉ nhắc đến hai khoản vay của anh em anh với chị Uyên trong đó một khoản vay 20.000.000 đồng thì chị Uyên đã khởi kiện em của anh là anh Đ bằng vụ án khác và anh Đ đã đồng ý trả theo quyết định của Tòa án, còn lại một khoản vay 450.000.000 đồng mà ông C khởi kiện trong vụ án này.

Nay anh em anh chỉ đồng ý trả lại cho ông C số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày hai anh vay 05-10-2022. Không đồng ý trả 560.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời anh Đ, anh T yêu cầu ông C trả lại cho hai anh 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC691413 do anh Trần Phước Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 01-7-2021.

*Bị đơn anh Trần Phước Đ trình bày:* anh đồng ý với lời trình bày của anh T, không có ý kiến bổ sung.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H phát biểu ý kiến:

*1/Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:*

Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*2/Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:*

Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt không có lý do là đã từ chối quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

*3/Về nội dung:*

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 464, 466, 468, 469 BLDS; Nghị quyết 326 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án. Viện KSND thị xã H đề nghị HĐXX: chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, buộc anh Trần

Văn T và anh Trần Phước Đ trả số tiền nợ vay 450.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 05-01-2023. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông C đối với số tiền 25.000.000 đồng, buộc ông Nguyễn Văn C phải trả lại cho anh Trần Văn T và anh Trần Phước Đ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC691413 do anh Trần Phước Đ đứng tên do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tcấp ngày 01-7-2021. Đồng thời, xác định nghĩa vụ chịu án phí của đương sự theo quy định pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C yêu cầu anh Đ, anh T trả số tiền nợ vay 560.000.000 đồng thì thấy rằng:

Các bên đương sự đều thừa nhận do có quan hệ họ hàng xa với nhau nên ông C có cho anh Đ và anh T vay tiền. Tuy nhiên hai bên trình bày không thống nhất số tiền vay gốc ban đầu. Thực tế là ngày 05-10-2022 anh Trần Phước Đ đã tắt toán một khoản nợ 454.500.000 đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á. Cho nên việc anh Đ, anh T vay tiền nhằm mục đích trả nợ ngân hàng là đúng. Theo đơn khởi kiện thì ông C trình bày ngày 05-10-2022 cho anh Đ và anh T vay số tiền 560.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, không yêu cầu viết giấy. 03 tháng sau anh Đ anh T không trả được nợ cho ông nên ngày 05-01-2023 ông mới yêu cầu anh Đ, anh T viết giấy với số nợ 585.000.000 đồng trong đó có 25.000.000 đồng là tiền lãi. Quá trình giải quyết vụ án thì ban đầu thì ông C trình bày số tiền mà ông cho anh T và anh Đ vay là 560.000.000 đồng là cho vay 03 lần, trong đó lần đầu cho vay 500.000.000 đồng anh T, anh Đ vay nhằm mục đích để trả nợ cho ngân hàng vào tháng 10-2022, còn 60.000.000 đồng thì anh T, anh Đ vay làm 02 lần mỗi lần 30.000.000 đồng vào tháng 11 và tháng 12.2022 là để tiêu xài cá nhân, các lần cho vay này ông đều không yêu cầu anh Đ và anh T viết giấy nợ. Sau đó đến ngày 05-01-2023 ông mới yêu cầu anh Đ, anh T viết giấy nợ với số tiền 585.000.000 đồng, trong đó 560.000.000 đồng là tiền gốc và 25.000.000 đồng là tiền lãi.

Sau khi bị đơn cung cấp file ghi âm ghi lại cuộc nói chuyện điện thoại giữa anh T với ông C và chị Uyên thì ông C thay đổi lời khai. Lúc này ông C lại cho rằng ban đầu anh Đ, anh T vay 450.000.000 đồng của chị Uyên để đáo hạn ngân hàng, sau đó ngày 10-10-2022 thì vay của ông C 500.000.000 đồng để trả lại cho chị Uyên (biên bản lấy lời khai ngày 10-5-2023 – bút lục số 50). Không phải vay 500.000.000 đồng của ông C để trả nợ ngân hàng như đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai lần đầu vào ngày 10-3-2023 của ông C đã trình bày (bút lục số 30). Và ông tiếp tục cho vay hai lần tiếp theo vào tháng 11, 12 năm 2022 với số tiền mỗi lần cho vay là 30.000.000 đồng, cả hai lần này đều không viết giấy nợ.

Như vậy xét thấy lời trình bày của ông C là không thống nhất từ đầu đến cuối. Ông thay đổi lời khai nhiều lần và ngay bản thân ông cũng thừa nhận trong giấy nợ 585.000.000 đồng mà ông yêu cầu anh Đ, anh T viết là có cộng thêm tiền lãi, tuy không khớp với lời trình bày của bị đơn nhưng có căn cứ cho rằng ông C có việc cộng tiền lãi vào nợ gốc và người vay phải viết giấy nợ. Xét lời trình bày của bị đơn là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án thể hiện vào tháng 10-2022 anh Đ, anh T có vay của chị Uyên số tiền 450.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, tuy nhiên sau đó anh Đ, anh T không làm được thủ tục vay lại từ ngân hàng được nên giữa chị Uyên, ông C và anh T, anh Đ mới thoả thuận chuyển khoản nợ 450.000.000 đồng sang cho ông C và cụ thể là ngày 05-01-2023 anh T mới viết lại giấy nợ với ông C trong đó số nợ gốc là 450.000.000 đồng và tính lãi 10%/tháng của 03 tháng (từ tháng 10-12) là 135.000.000 đồng, ra số nợ là 585.000.000 đồng là có căn cứ. Chị Uyên cũng thừa nhận hiện tại giữa chị với anh T, anh Đ không còn khoản vay nào khác.

Ngoài ra trong vụ án thụ lý số 43/2023/TLST-DS ngày 14-02-2023 giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Uyên với bị đơn anh Trần Văn Đễ thì ông C là người đại diện hợp pháp cho chị Uyên trong vụ án này trình bày giữa chị Uyên với anh Đ ngoài khoản vay 20.000.000 đồng khởi kiện trong vụ án này thì không còn khoản vay nào khác, tuy nhiên sau khi có file ghi âm mà bị đơn cung cấp thì ông C cho rằng chị Uyên có cho anh Đ, anh T vay số tiền 450.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy lời trình bày của nguyên đơn có nhiều mâu thuẫn, không thống nhất về thời gian vay, về khoản nợ vay và người cho vay. Lời trình bày của bị đơn là phù hợp với sự thật khách quan của vụ án. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C, buộc anh Đ, anh T phải có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng.

[2] Tại phiên toà người đại diện hợp pháp của ông C xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 25.000.000 đồng, do đó đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C đối với anh Trần Văn T và anh Trần Phước Đ trả số tiền nợ vay 25.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu tính lãi của ông C thì thấy rằng: tại phiên toà bị đơn anh Đ, anh T đồng ý tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 05-10-2022, tuy nhiên người đại diện hợp pháp của ông C yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 05-01-2023. Do đó chấp nhận yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật của nguyên đơn tính từ ngày 05-01-2023.

Do các bên không thống nhất được lãi suất nên tính lãi theo quy định với lãi suất là 0,83%/tháng, cụ thể như sau:

$$450.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng} 17 \text{ ngày} = 28.615.000 \text{ đồng}.$$

[4] Đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất DC691413 do anh Trần Phước Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tcấp ngày 01-7-2021 mà hiện tại ông C đang giữ của anh Trần Văn Đ là không hợp pháp, nên cần buộc ông C trả lại cho anh T và anh Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

[5] Từ những phân tích nêu trên chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân THỊ XÃ H, tỉnh Tây Ninh.

[6] Về án phí:

Anh Trần Văn T, anh Trần Phước Đ phải chịu 23.130.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn C là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 463, 464, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C với anh Trần Văn T, anh Trần Phước Đ về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc anh Trần Văn T, anh Trần Phước Đ có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 28.261.000 đồng (Hai mươi tám triệu hai trăm sáu mươi một nghìn đồng), tổng cộng là 478.261.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi tám triệu, hai trăm sáu mươi một nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C yêu cầu anh Đ, anh T trả số tiền nợ vay là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C đối với anh Trần Văn T và anh Trần Phước Đ trả số tiền nợ vay 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

4. Buộc ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả lại cho anh Trần Văn T và anh Trần Phước Đ 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC691413 do anh Trần Phước Đ đứng tên do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tcấp ngày 01-7-2021.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

5. Về án phí sơ thẩm dân sự: anh Trần Văn T và anh Trần Phước Đ phải chịu 23.130.000 đồng (Hai mươi ba triệu một trăm ba mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn C là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

6. Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND THỊ XÃ H;
- Chi cục THA DS THỊ XÃ H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cẩm Ly**